

# CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

## MỤC LỤC

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- 26-9-1963 — Nghị định số 141-CP về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông. . . . . 563
- 28-9-1963 — Nghị định số 142-CP về việc ban hành điều lệ về công tác công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ. . . . . 568
- 24-9-1963 — Chỉ thị số 94-TTg về việc đẩy mạnh phát triển tàu, thuyền vận tải và nghề cá. . . . . 573
- 25-9-1963 — Quyết định số 95-TTg về việc cải tiến và tăng cường công tác tính chỉ số vật giá bán lẻ . . . . . 575
- 30-9-1963 — Chỉ thị số 96-TTg về việc quy định chế độ nghỉ công tác, nghỉ sản xuất cho cán bộ, công nhân,

viên chức theo học các trường và lớp nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật trung học và đại học tại chức. . . . . 577

25-9-1963 — Quyết định số 140 về lợi suất cho vay đối với ngành tư liệu sản xuất nông nghiệp . . . . . 577

### CÁC BỘ

#### TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

- 31-8-1963 — Thông tư số 50-LN về việc áp dụng chế độ giá cước ô-tô trong ngành Lâm nghiệp. . . . . 578
- 18-9-1963 — Thông tư số 55-LN-TC quy định tạm thời việc tổ chức và chế độ bồi dưỡng, khen thưởng những người mò vớt gỗ chìm. . . . . 579

09671780

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH số 141-CP về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông.**

#### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và văn hóa trong nước và yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng bộ Thủy lợi:

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ ngày 14 tháng 8 năm 1963,

#### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản điều lệ về quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông.

Điều 2. — Ông Bộ trưởng bộ Thủy lợi quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành bản điều lệ này.

Hà nội, ngày 26 tháng 9 năm 1963

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng  
PHẠM HÙNG

## ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY NÔNG

(ban hành kèm theo nghị định số 141-CP ngày 26-9-1963 của Hội đồng Chính phủ)

### Chương I

#### MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA

Điều 1.— Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong nông nghiệp; xây dựng và quản lý tốt các công trình thủy lợi là tạo điều kiện vật chất và kỹ thuật cho nông nghiệp phát triển. Từ ngày hòa bình lập lại đến nay, Nhà nước cùng nhân dân ta đã bỏ ra nhiều công, của để phục hồi các công trình thủy lợi cũ và xây dựng nhiều công trình mới; diện tích được tưới nước mỗi năm một mở rộng thêm. Nhưng, nhìn chung, công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình làm chưa tốt: nhiều công trình bị hư hỏng, tu bổ sửa chữa không kịp thời; màng lưới kênh mương trong hệ thống chưa đủ hoặc chưa hoàn chỉnh; kỹ thuật tưới và chế độ tưới khoa học chưa được áp dụng rộng rãi; do đó chưa kịp thời phát huy tác dụng của công trình để mở rộng diện tích tưới, tiêu và nâng cao chất lượng tưới nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

Điều lệ này đặt ra những quy định cơ bản trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông; trên cơ sở đó, xác định trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành và các cơ quan quản lý nông nghiệp; xác định nghĩa vụ của nhân dân nhằm phát huy tác dụng của công trình, phục vụ tốt cho việc tưới, tiêu khoa học, tăng diện tích và tăng sản lượng cây trồng, kết hợp cải tạo chất đất từng bước và lợi dụng tổng hợp các nguồn nước trong việc giao thông vận tải, làm thủy điện, nuôi cá... để góp phần đưa nông nghiệp tiến lên nhanh chóng, mạnh mẽ và vững chắc, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân và xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

### Chương II

#### NỘI DUNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỦY NÔNG

Điều 2.— Điều lệ này áp dụng cho tất cả các loại hệ thống thủy nông có liên quan đến nhiều địa phương hay nhiều hợp tác xã bao

gồm từ công trình đầu mối như cống, đập, hồ nước, trạm bơm... đến màng lưới kênh mương và các công trình phụ thuộc.

Điều 3.— Công tác quản lý thủy nông bao gồm ba mặt:

- Quản lý công trình,
- Quản lý nước,
- Quản lý kinh doanh.

Điều 4.— Về quản lý công trình:

a) Trong quá trình xây dựng công trình, cơ quan quản lý phải cử người chuyên trách theo dõi thi công để nghiệm thu, đồng thời chuẩn bị bộ máy quản lý để khai thác được tốt khả năng của công trình ngay sau khi hoàn thành.

b) Cơ quan quản lý phải xây dựng xong lịch công trình và các quy định kỹ thuật về công việc quản lý, khai thác trong thời hạn ba tháng sau khi đã nghiệm thu toàn bộ công trình.

c) Đối với các công trình cũ hiện chưa có các quy định kỹ thuật về quản lý, khai thác thì phải xây dựng xong chậm nhất là ba tháng sau khi ban hành điều lệ này.

d) Ngoài việc thường xuyên theo dõi và tu bổ công trình, hàng năm phải tiến hành hai đợt kiểm tra trước và sau mùa lũ, kịp thời để kế hoạch bảo quản sửa chữa.

Điều 5.— Về quản lý nước:

a) Ủy ban hành chính các cấp địa phương phải khẩn trương lãnh đạo xây dựng màng lưới kênh mương, bờ vùng và các công trình phụ thuộc theo quy hoạch phát huy tác dụng hệ thống của địa phương. Thời hạn hoàn thành màng lưới này chậm nhất là một năm kể từ khi xây dựng xong các công trình mấu chốt đối với các công trình cũ thì kể từ ngày ban hành điều lệ này.

b) Việc quản lý nước do cơ quan quản lý nông nghiệp phụ trách; cơ quan nông nghiệp địa phương có trách nhiệm tham gia tích cực dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Ủy ban hành chính cùng cấp, cụ thể là:

— Việc xây dựng kế hoạch phân phối nước cho từng vụ gieo trồng phải dựa vào kế hoạch sản xuất có kèm theo yêu cầu về tưới, tiêu nước cho từng vùng, từng loại cây trồng. Kế hoạch này phải được Ủy ban hành chính các xã trong hệ thống nông nghiệp tham gia ý kiến và được Hội đồng quản trị hệ thống liên tỉnh hoặc Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương xét duyệt theo quy định ở điều 8, 9 và 14 dưới đây. Sau khi đã xét duyệt cần phổ biến rộng rãi đến các hợp tác xã trước khi làm đất và gieo mạ. Việc

điều chỉnh kế hoạch phân phối nước do tình hình biến chuyển của thời tiết phải được cơ quan đã xét duyệt thông qua và phổ biến kịp thời.

— Cần mau chóng tạo điều kiện chủ động về nước để áp dụng ngay các chế độ và kỹ thuật tưới, tiêu nước khoa học.

— Mỗi hệ thống nông giang phải có những khu ruộng thí nghiệm để cải tiến các chế độ và kỹ thuật tưới cho thích hợp với từng loại cây trồng; từng vụ, từng loại đất và khí hậu của địa phương.

**Điều 6.** — Về quản lý kinh doanh:

a) Đối với các hệ thống đại thủy nông, trung thủy nông, việc thu thủy lợi phí phải nhằm mục đích dùng vào việc quản lý, tu bổ, khai thác các công trình và phải theo đúng nghị định số 66.CP ngày 5 tháng 6 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ về điều lệ thu thủy lợi phí.

b) Đối với hệ thống đại thủy nông đã thu thủy lợi phí, sau một năm ban hành điều lệ này, phải thực hiện việc quản lý theo chế độ hạch toán kinh tế. Trong thời gian chưa thu thủy lợi phí, các chi phí về quản lý, tu bổ và khai thác đều do ngân sách địa phương đài thọ.

c) Đối với các hệ thống trung thủy nông loại nhỏ và tiêu thủy nông có liên quan đến nhiều hợp tác xã trở lên, các chi phí về quản lý, tu bổ, khai thác đều do các hợp tác xã và nông dân có ruộng hưởng nước cùng nhau thỏa thuận đóng góp.

### Chương III

#### TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH CÓ LIÊN QUAN VÀ CỦA NHÂN DÂN

**Điều 7.** — Bộ Thủy lợi là cơ quan chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ về việc chỉ đạo toàn bộ công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy nông, cụ thể là:

— Chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách và các quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy nông của Hội đồng Chính phủ.

— Ban hành các quy định kỹ thuật chung về quản lý, khai thác, cho tất cả các hệ thống thủy nông;

— Chỉ đạo Ủy ban hành chính các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương về mặt nghiệp vụ, kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình; thực hiện công

tác quản lý nông giang theo chế độ hạch toán kinh tế;

— Xét duyệt kế hoạch tu sửa mở rộng hệ thống hàng năm và hàng quý của các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương. Xét duyệt đồ án kỹ thuật đại tu và xây dựng mới đối với các công trình mấu chốt; trực tiếp khảo sát, thiết kế, thi công các phần mà khả năng các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương không làm được;

— Giúp Ủy ban hành chính các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân thuộc bộ máy quản lý nông giang.

**Điều 8.** — Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

— Dựa vào các quy định kỹ thuật chung của bộ Thủy lợi ban hành các quy định kỹ thuật về quản lý cho từng hệ thống và từng công trình quan trọng thuộc địa phương mình;

— Chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy nông của Hội đồng Chính phủ và của bộ Thủy lợi;

— Chỉ đạo toàn bộ công tác quản lý nông giang theo quy định ở điều 3, 4, 5, 6, trên đây;

— Chỉ đạo việc đăng ký ruộng đất, thu thủy lợi phí và vận tải phí theo quy định của Hội đồng Chính phủ;

— Điều hòa phối hợp các ngành có liên quan ở địa phương trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông; nhất là giữa ngành thủy lợi và nông nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch phân phối nước và chỉ đạo tưới, tiêu khoa học, cải tạo đất bằng biện pháp thủy lợi;

— Tò chức, lãnh đạo bộ máy quản lý nông giang và các lực lượng bảo vệ công trình;

— Xét duyệt kế hoạch phân phối nước và thông qua việc điều chỉnh kế hoạch đó trong trường hợp thời tiết thay đổi của các cơ quan quản lý nông giang thuộc địa phương mình.

**Điều 9.** — Dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương và sự hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ thuật của các ty thủy lợi và ban quản trị nông giang, các ủy ban hành chính huyện, xã có trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện mọi công tác quản lý, khai thác và bảo vệ nông giang, trong phạm vi địa phương mình.

**Điều 10.** — Ngành nông nghiệp có nhiệm vụ dựa vào kế hoạch sản xuất và các biện pháp canh tác liên hoàn, đặt ra yêu cầu về chế độ tưới nước cho từng vụ, từng vùng, từng loại

cây trồng và tham gia cùng ngành Thủy lợi chỉ đạo việc tưới, tiêu nước khoa học và cải tạo đất bằng biện pháp thủy lợi.

**Điều 11.** — Các ngành Giao thông, Công an, Nông nghiệp có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với ngành Thủy lợi trong việc xây dựng, quản lý khai thác và bảo vệ các hệ thống công trình thủy nông nhằm sử dụng tổng hợp nguồn nước trong việc phát triển giao thông vận tải làm thủy điện nuôi cá... Ngành Giáo thông và Thủy lợi cần nghiêm chỉnh thực hiện thông tư số 68-TTg ngày 25-6-1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp công tác thủy lợi và giao thông vận tải. Ngành Công an có trách nhiệm cùng ngành Thủy lợi đặt ra các biện pháp bảo vệ các công trình và hệ thống thủy nông; đề phòng, ngăn chặn mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch.

**Điều 12.** — Đối với nhân dân, cần làm cho mỗi người thấy rõ: các công trình và hệ thống thủy nông là tài sản chung của toàn dân, có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân, mỗi người đều có nghĩa vụ tham gia quản lý, tu sửa và bảo vệ. Cần giáo dục nhân dân thực hiện đúng những nhiệm vụ đã đề ra trong nghị định số 66-CP ngày 5 tháng 6 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ về điều lệ thu thủy lợi phí.

### Chương IV

## TỜ CHỨC QUẢN LÝ CÁC HỆ THỐNG NÔNG GIANG

**Điều 13.** — Thành lập ở mỗi hệ thống đại thủy nông một Ban quản trị nông giang, gồm một trưởng ban, một đến ba Phó ban và một số cán bộ công nhân viên, có nhiệm vụ thực hiện các công tác đã quy định ở điều 3, 4, 5, và 6 trên đây.

**Điều 14.** — Thành lập ở mỗi hệ thống đại thủy nông liên tỉnh, ngoài Ban quản trị nông giang, một Hội đồng quản trị nông giang có nhiệm vụ: đề ra chủ trương kế hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ công trình; ban hành các quy định kỹ thuật về quản lý hệ thống và công trình mấu chốt của liên tỉnh; điều hòa phân bố hợp lý quyền lợi hưởng nước, nhiệm vụ tu bổ, phát triển, mức thu thủy lợi phí và vận tải phí trong hệ thống và mức đóng góp kinh phí quản lý giữa các tỉnh trong hệ thống; xét duyệt các kế hoạch phân phối nước và kế hoạch điều chỉnh; chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện các quy định về quản lý, khai thác và các

Đối với các hệ thống đại thủy nông liên tỉnh loại lớn như: Bắc Hưng Hải, Hà đông, Hà nam, Hội đồng quản trị nông giang gồm đại diện bộ Thủy lợi làm chủ tịch và đại diện Ủy ban hành chính các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương trong hệ thống làm ủy viên.

Đối với các hệ thống đại thủy nông liên tỉnh loại vừa và nhỏ như: sông Cầu, An kim hải, Sơn tây, Chương mỹ. Hội đồng quản trị nông giang gồm có đại diện Ủy ban hành chính các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương và đại diện Ủy ban hành chính các huyện trong hệ thống. Chủ tịch Hội đồng là đại diện Ủy ban hành chính của tỉnh hoặc thành có nhiều diện tích ruộng đất hưởng nước trong hệ thống.

**Điều 15.** — Ban quản trị nông giang liên tỉnh có trách nhiệm báo cáo toàn bộ công tác và thi hành nghị quyết của Hội đồng quản trị nông giang. Trưởng ban quản trị nông giang liên tỉnh giữ chức thư ký của Hội đồng quản trị nông giang.

Ban quản trị hệ thống đại thủy nông liên tỉnh loại lớn trực thuộc bộ Thủy lợi.

Ban quản trị hệ thống đại thủy nông liên tỉnh loại vừa và nhỏ trực thuộc tỉnh hoặc thành có nhiều diện tích ruộng đất hưởng nước trong hệ thống.

Ban quản trị hệ thống đại thủy nông trong một tỉnh trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh sở tại.

**Điều 16.** — Ở mỗi hệ thống trung thủy nông loại lớn, thành lập một bộ phận quản lý trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh nếu liên quan đến nhiều huyện, hoặc trực thuộc Ủy ban hành chính huyện nếu chỉ liên quan đến nhiều xã trong một huyện.

Ở mỗi hệ thống trung thủy nông loại nhỏ hoặc tiểu thủy nông chỉ liên quan đến một vài xã hoặc nhiều hợp tác xã, thì giữa các xã hoặc hợp tác xã hưởng nước thỏa thuận cử người phụ trách hoặc phân công quản lý.

**Điều 17.** — Tùy theo tầm quan trọng của mỗi hệ thống đại thủy nông hoặc trung thủy nông loại lớn liên quan đến nhiều huyện hay nhiều xã trong một huyện, theo đề nghị của Ủy ban hành chính các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, bộ Thủy lợi sẽ quyết định tiêu chuẩn và số lượng cán bộ, công nhân viên trong các bộ máy quản lý hệ thống từ huyện trở lên, sau khi trao đổi thống nhất với bộ Nội vụ và bộ Lao động. Ở mỗi xã trong vùng hưởng nước của các hệ thống này, có từ một đến hai cán bộ thủy lợi xã chịu trách nhiệm trước ban quản trị hay bộ phận quản lý nông giang về việc tưới tiêu và hướng dẫn thực hiện các chế độ tưới tiêu khoa học và quy định kỹ thuật về

quản lý nông giang, được hưởng một khoản thù lao do quỹ thủy lợi phí dài thọ. Khoản thù lao này sẽ tùy điều kiện công tác và sinh hoạt từng nơi mà ấn định, tối thiểu là 10 đồng và tối đa là 20 đồng.

Bộ Thủy lợi sẽ quy định cụ thể việc phân cấp quản lý cho mỗi cấp chính quyền trên các mặt quản lý công trình, quản lý tưới, quản lý kinh doanh và quản lý cán bộ đối với từng loại hệ thống thủy nông, quy định chức năng và quan hệ công tác giữa các ty thủy lợi và các ban quản trị nông giang.

### Chương V

#### BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY NÔNG

Điều 18. — a) Ở mỗi vị trí công trình quan trọng, Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thành trực thuộc Trung ương niêm yết nội quy ra vào, tham quan và cấm những việc làm có phương hại đến việc bảo vệ công trình.

b) Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, Ban quản trị nông giang phối hợp với Công an và Dân quân địa phương đề đặt kế hoạch bảo vệ các công trình trong toàn bộ hệ thống. Riêng đối với các công trình quan trọng ảnh hưởng đến nhiều huyện, Ủy ban hành chính tỉnh, thành phải trực tiếp tổ chức các lực lượng bảo vệ. Đối với các công trình khác thì ở địa phận huyện, xã nào thì Ủy ban hành chính huyện, xã ấy có trách nhiệm lãnh đạo các cơ quan Công an và Dân quân huyện, xã canh phòng, bảo vệ... Việc canh phòng, bảo vệ công trình cần được tăng cường và đặc biệt chú ý trong mùa mưa lũ nhất là những lúc có lũ hoặc bão.

c) Cấm xe dịch hoặc làm hư hỏng các thiết bị quản lý và bảo vệ công trình như mốc quan trắc, mốc phân giới, bảng niêm yết, hàng rào bảo vệ...

— Cấm thả trâu bò trên bờ kênh và cho trâu bò lội qua kênh ngoài các bến lội đã quy định;

— Cấm đồ đất, đá, rác rưởi... làm bồi lấp lòng kênh;

— Cấm cho chảy vào kênh các loại nước có chất độc, hôi bẩn, nếu chưa được lọc và sát trùng.

d) Cấm không được tự động xẻ kênh, đắp bờ trên bờ kênh để tát nước, xây cống mới, hạ hay nâng cao cống đã có, đặt trạm bơm dọc kênh, bắc cầu qua kênh, xây bến tắm hoặc bến vận chuyển bờ kênh, nếu không được phép của Hội đồng quản trị nông giang

đối với các hệ thống liên tỉnh và Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thành trực thuộc Trung ương đối với các hệ thống nằm trong một tỉnh.

d) Cấm xây dựng nhà cửa, kho tàng, lấy đất, đào ao, đào giếng, trồng cây có rễ dài trong phạm vi 30m cách chân các kênh nổi và 10m cách chân các kênh chìm. Việc trồng trọt các loại cây khác thích hợp với việc bảo vệ kênh mương, trong phạm vi an toàn nói trên phải được Ban quản trị nông giang cho phép.

— Đối với các nhà cửa, kho tàng, công trình... đã xây dựng từ trước, nằm trong phạm vi an toàn quy định trên, thì sẽ giải quyết như sau:

+ Nếu nhà cửa, cây cối, kho tàng, công trình... của nhân dân hoặc của các cơ quan, xí nghiệp thuộc quyền quản lý của địa phương sẽ do Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương quyết định và giúp đỡ việc di chuyển;

+ Nếu nhà cửa, kho tàng, công trình quan trọng... thuộc quyền quản lý của các cơ quan trung ương mà việc di chuyển cần xem xét kỹ thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương báo cáo lên Bộ Thủy lợi, đề trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 19. — Về vận tải trên các công trình và hệ thống bờ kênh, mương:

a) Tại các hệ thống bờ kênh, dùng làm đường giao thông có rải đá hoặc tráng nhựa, Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương phải niêm yết rõ ràng trọng tải, tốc độ cho các loại xe được phép đi qua. Cấm đỗ xe trên công trình và gần công trình trong phạm vi mỗi bên 30 thước.

b) Đối với các hệ thống bờ kênh không có rải đá hoặc tráng nhựa, Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương quy định việc đi lại cho các loại xe thô sơ. Trường hợp đặc biệt và yêu cầu quân sự hay trị an thì tùy theo mức độ an toàn của các công trình và bờ kênh có thể cho sử dụng xe vận tải cơ giới với điều kiện cơ quan có xe phải chịu trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng gây ra trên mặt đường.

Điều 20. — Về vận chuyển thuyền bè trong các hệ thống nông giang:

a) Ở mỗi công trình đầu mối của hệ thống, phải niêm yết nội quy vận chuyển thuyền bè có quy định rõ:

— Kích thước (chiều dài, chiều ngang, mớn thuyền) của thuyền bè được vận chuyển trên hệ thống và phạm vi được vận chuyển;

— Phạm vi các nơi ở thượng và hạ lưu công trình mà thuyền bè không được qua lại, trong mùa cạn và mùa lũ;

— Cấm đóng cọc lên bờ kênh để neo thuyền, hoặc neo thuyền vào các cột điện thoại hay lan can công trình;

— Các điều kiện phải bảo đảm trong khi vận chuyển để tránh hư hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra như: quy định điều kiện vận chuyển thuốc nổ, quy định những nơi neo thuyền, đỗ thuyền...

— Thời gian tối đa cho phép vận chuyển qua công trình;

— Biều thu và nơi trả vận tải phí.

b) Đối với các hệ thống thiếu nước trong mùa cạn, để tiết kiệm nước bảo đảm sản xuất nông nghiệp Hội đồng quản trị hệ thống liên tỉnh hay Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương có thể ra lệnh hạn chế số lần đóng mở âu thuyền.

c) Nếu thuyền bè bị đắm trong các hệ thống nông giang thì chủ thuyền bè phải vớt lên trong thời gian không quá hai ngày. Nếu quá thời hạn, cơ quan quản lý nông giang có quyền vớt thuyền bè hoặc dùng các biện pháp nhằm khơi luồng nước trở lại bình thường, mọi phí tổn do chủ thuyền bè phải đài thọ.

**Điều 21.** — Về nuôi cá và đánh cá trong hệ thống:

— Việc nuôi cá và đánh cá trong các kênh loại lớn và loại vừa cũng như ở thượng và hạ lưu các công trình phải do Bộ Thủy lợi hoặc Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương cho phép với điều kiện thiết bị thích hợp không trở ngại cho việc tưới, tiêu và vận tải trên kênh;

— Cấm dùng thuốc nổ trong lòng kênh và trong phạm vi 500m xung quanh các công trình trong hệ thống nông giang.

## Chương VI

### KHIEN THƯƠNG VÀ KỶ LUẬT

**Điều 22.** — Những đơn vị hoặc cá nhân có thành tích trong việc quản lý khai thác và bảo vệ các hệ thống nông giang, sẽ được khen thưởng.

**Điều 23.** — Những hành động vi phạm điều lệ này và các quy định của Ủy ban hành chính tỉnh, thành trực thuộc Trung ương nhằm bảo vệ công trình thủy nông sau khi đã được giáo dục mà không chịu sửa chữa thì tùy trường

hợp nặng, nhẹ sẽ bị xử phạt theo thẻ lệ hiện hành, hoặc truy tố trước Tòa án. Những hành động cố ý phá hoại công trình sẽ bị trừng trị theo pháp luật.

Trưởng, Phó ban quản trị nông giang và cán bộ quản lý nông giang được ủy nhiệm lập biên bản và có ý kiến đề nghị mức xử lý đề Ủy ban hành chính địa phương quyết định.

Hà nội, ngày 26 tháng 9 năm 1963

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ trưởng

PHẠM HÙNG

### NGHỊ ĐỊNH số 142-CP về việc ban hành điều lệ về công tác, công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ.

#### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề thống nhất việc quản lý công văn, giấy tờ trong các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước:

Đề đưa công tác công văn, giấy tờ, công tác lưu trữ của các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước vào nền nếp:

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 24 tháng 7 năm 1963,

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay ban hành, kèm theo nghị định này, bản điều lệ về công tác công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ.

**Điều 2.** — Ông Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, các ông Bộ trưởng các bộ, các ông Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này

Hà nội, ngày 28 tháng 9 năm 1963

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG